

PHỤ LỤC 03
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG ĐỊNH MỨC, TẦN SUẤT ĐIỀU DƯỠNG
(Kèm theo Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương)

Đơn vị: đồng

ST T	Các đối tượng cán bộ	Số lượng cán bộ	Kinh phí điều dưỡng theo tần suất và định mức hiện tại				Kinh phí điều dưỡng theo tần suất và định mức mới				Kinh phí tăng thêm
			Tần suất điều dưỡng hiện tại	Số lượng (lượt)	Định mức điều dưỡng	Tổng số tiền	Tần suất điều dưỡng mới	Số lượng (lượt)	Định mức điều dưỡng	Tổng số tiền	
1	Cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý	13	1	13	1.500.000	19.500.000	1	13	3.000.000	39.000.000	19.500.000
2	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Chủ tịch UBMTTQ tỉnh.	52	1	52	1.500.000	78.000.000	1	52	3.000.000	156.000.000	78.000.000
3	Tỉnh ủy viên, Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, uỷ viên thường trực và trưởng ban HĐND tỉnh	101	1	101	1.500.000	151.500.000	1	101	3.000.000	303.000.000	151.500.000
4	Trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; cấp trưởng cơ quan Trung ương, giám đốc doanh nghiệp (do Ban Thường vụ Tỉnh ủy bổ nhiệm hoặc hiệp y bổ nhiệm) đóng trên địa bàn tỉnh; bí thư huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ.	109	1	109	1.500.000	163.500.000	1	109	3.000.000	327.000.000	163.500.000

ST T	Các đối tượng cán bộ	Số lượng cán bộ	Kinh phí điều dưỡng theo tần suất và định mức hiện tại				Kinh phí điều dưỡng theo tần suất và định mức mới				Kinh phí tăng thêm
			Tần suất điều dưỡng hiện tại	Số lượng (lượt)	Định mức điều dưỡng	Tổng số tiền	Tần suất điều dưỡng mới	Số lượng (lượt)	Định mức điều dưỡng	Tổng số tiền	
5	Hưu trí: Phó ban Hội đồng nhân dân tỉnh; phó sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể tỉnh; cấp phó cơ quan trung ương, phó giám đốc doanh nghiệp (do Ban Thường vụ Tỉnh ủy bổ nhiệm hoặc hiệp y bổ nhiệm); phó bí thư huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	227	0,5	114	1.500.000	170.250.000	0,5	114	3.000.000	340.500.000	170.250.000

ST T	Các đối tượng cán bộ	Số lượng cán bộ	Kinh phí điều dưỡng theo tần suất và định mức hiện tại				Kinh phí điều dưỡng theo tần suất và định mức mới				Kinh phí tăng thêm
			Tần suất điều dưỡng hiện tại	Số lượng (lượt)	Định mức điều dưỡng	Tổng số tiền	Tần suất điều dưỡng mới	Số lượng (lượt)	Định mức điều dưỡng	Tổng số tiền	
6	Hưu trí còn lại: Cán bộ khác thuộc diện Tinh uý quản lý; Cán bộ có học hàm giáo sư, phó giáo sư, học vị tiến sĩ; anh hùng lao động, anh hùng lượng lượng vũ trang; thầy thuốc nhân dân, nhà giáo nhân dân, nghệ sĩ nhân dân; thầy thuốc ưu tú, nhà giáo ưu tú, nghệ sĩ ưu tú; Cán bộ có đủ mức lương diện bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ quy định qua các thời kỳ. Cán bộ, công chức, viên chức tính từ sau khi chuyển đổi sang hệ số lương mới theo Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ Nội vụ - Tài chính, nam giới có hệ số lương từ 5,76 trở lên; nữ giới có hệ số lương từ 5,42 trở lên được đưa vào diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe	6761	0,2	1.352	1.500.000	2.028.300.000	0,3	2.254	3.000.000	6.761.000.000	4.732.700.000
Tổng cộng		7263		1.741		2.611.050.000		2.642		7.926.500.000	5.315.450.000